



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

25.12.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

THÀNH BẠI TẠI HỌ VINCOM

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	371
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	87
Số cổ phiếu giảm giá	238
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	46

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	204
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	50
Số cổ phiếu giảm giá	101
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	53

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	341
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	134
Số cổ phiếu giảm giá	129
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	78

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	47,014.83	42,396.97	4,617.87
% KL toàn thị trường	5.66%	5.11%	
Giá trị	2,170,329	1,556,699	613,631
% GT toàn thị trường	8.24%	5.91%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	893.68	2,265.22	(1,371.54)
% KL toàn thị trường	5.66%	5.11%	
Giá trị	17,558	54,619	(37,062)
% GT toàn thị trường	1.12%	3.48%	

UPCOM

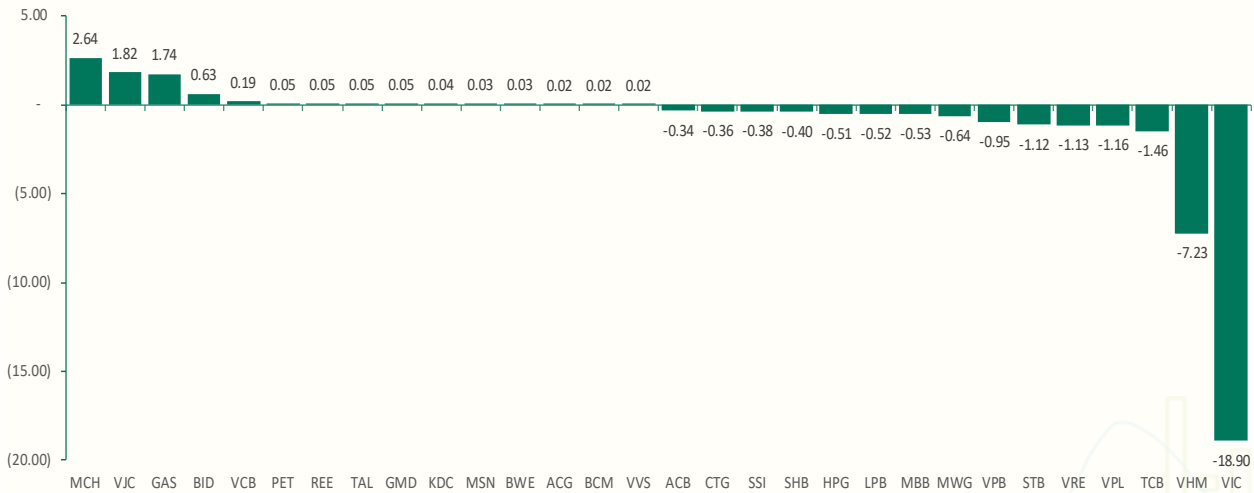
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	131.12	499.71	(368.58)
% KL toàn thị trường	0.26%	1.01%	
Giá trị	3,064	5,973	(2,909)
% GT toàn thị trường	0.45%	0.87%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	6,373,600	158,000	-11,800 (-6.95%)	67.67	3.79	2,335	1,221,892
2	VCB	3,968,100	57,100	100 (0.18%)	11.40	2.14	5,008	477,109
3	VHM	10,699,900	114,300	-8,500 (-6.92%)	18.26	2.00	6,259	469,477
4	BID	3,728,800	38,800	400 (1.04%)	9.97	1.62	3,890	272,429
5	TCB	10,946,100	34,000	-950 (-2.72%)	10.92	1.34	3,113	240,932
6	MCH	1,009,000	223,500	10,700 (5.03%)	28.40	14.16	7,870	236,174
7	VPB	14,199,000	28,750	-550 (-1.88%)	11.04	1.43	2,603	228,100
8	HPG	29,780,000	26,250	-300 (-1.13%)	12.17	1.58	2,157	201,481
9	MBB	17,926,700	25,000	-300 (-1.19%)	6.17	1.51	4,051	201,375
10	CTG	13,969,300	35,000	-300 (-0.85%)	5.64	1.11	6,207	187,950

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Đ)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-1.79%	+56.54%	1,598
▼ Tài chính	-1.19%	+24.70%	107
▶ Tổ chức tín dụng	-1.11%	+24.72%	29
▶ Dịch vụ tài chính	-1.47%	+30.40%	66
▶ Bảo hiểm	-1.61%	+22.83%	13
▶ Bất động sản	-5.48%	+171.84%	133
▼ Công nghiệp	+0.33%	+26.86%	400
▶ Vận tải	+0.80%	+16.99%	117
▶ Hàng hóa công nghiệp	-0.56%	+46.83%	229
▶ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-2.06%	+42.48%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+1.19%	+14.89%	168
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+1.22%	+15.00%	155
▶ Thương mại hàng thiết yếu	+0.11%	0%	9
▶ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.32%	+3.32%	4
▶ Nguyên vật liệu	-0.89%	+6.31%	284
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-1.82%	+35.76%	185
▶ Thương mại hàng không thiết yếu	-1.38%	+26.00%	65
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-2.92%	+25.32%	36
▶ Thời trang và hàng tiêu dùng	-0.76%	+59.00%	71
▶ Xe và linh kiện	-0.32%	-1.53%	13
▶ Tiện ích	+2.06%	+7.80%	153
▼ Dịch vụ truyền thông	-1.82%	-31.53%	41
▶ Dịch vụ viễn thông	-1.80%	-33.39%	18
▶ Truyền thông và giải trí	+1.26%	+8.29%	23
▶ Năng lượng	-1.49%	+0.42%	53
▼ Công nghệ thông tin	-0.71%	-27.17%	16
▶ Phần mềm và dịch vụ	-0.64%	-26.11%	9
▶ Phần cứng và thiết bị	-3.84%	+115.67%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.03%	+9.24%	58
▶ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.07%	+14.10%	47
▶ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-0.41%	-38.46%	11

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa gairm 39.97 điểm (- 2.24%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Tiện ích, truyền thông giải trí, thực phẩm đồ uống và thuốc lá... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như GAS, REE, BWE, VNZ, MCH, MSN, MML, KDC, BAF, HNG, PAN, QNS, MPC, , ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GAS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ GAS đang thiết lập sóng 5 tăng giá với mục tiêu 71 – 78;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ REE đang trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 56 – 59;
- ✓ Giá có dấu hiệu tạo đáy quanh vùng giá 56 với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều với mô hình hai đáy;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) MCH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dù tăng giá tốt trong ngày hôm nay nhưng cổ phiếu MCH vẫn đang trong vùng giá nhạy cảm có thể tạo đỉnh ngắn hạn quanh khu vực này;
- ✓ Hỗ trợ khi giá điều chỉnh là vùng giá 180 – 200;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) HNG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ HNG đi ngang quanh vùng hỗ trợ 5.5 và cổ phiếu hiện tại ít rủi ro giảm giá;
- ✓ NĐT cần quan sát sự dịch chuyển của khối lượng và khả năng có Break out;

- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(2) Bất động sản, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ viễn thông, bảo hiểm, năng lượng, dịch vụ tài chính, thương mại hàng không thiết yếu, tổ chức tín dụng...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VIC, VHM, VRE, KDH, KBC, NVL, PDR, DXG, IDC, VPL, VGI, FOX, BVH, BIC, MIG, BMI, BSR, PVD, PVS, PLX, TCX, VCK, SSI, VIX, VND, VCI, MWG, PNJ, HUT, FRT, STB, VPB, TCB, HDB, SHB ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VIC có thể đang hình thành sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 124 – 147;
- ✓ Chúng tôi lưu ý vùng giá hiện tại của VIC là vùng định giá P/B cao nhất trong lịch sử và ngang bằng với giai đoạn bong bóng cổ phiếu năm 2018 và do đó việc giao dịch VIC ở vùng giá hiện tại chỉ mang tính đầu cơ;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) PVD giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ PVD có thể đã hoàn thành 5 sóng tăng giá và đang hình thành mẫu hình ABC;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) VPB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VPB đang gặp kháng cự quanh 30 của mẫu hình Bullish Falling Wedge – Cổ phiếu cần có Break out khu vực này để xác nhận sóng 4 điều chỉnh kết thúc;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iv) NVL giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 giảm giá với mục tiêu 10 – 12;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Cú bẻ chart 15 phút cuối

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 566 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, STB, MCH, VJC, VPL, VPB, GAS, MWG, VND, GEX ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: DGC, GMD, VIX, MBS, HAG, NLG, DGW, NVL, EIVFVN30, TCH...Hôm nay, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài và cá nhân nước ngoài là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước và tự doanh là nhóm bán ròng.

(ii) VN-Index đột ngột giảm mạnh vào cuối giờ do ảnh hưởng giảm sàn của nhóm cổ phiếu nhà VINCOM (VRE, VHM, VIC)...Sự điều chỉnh này khiến nhiều cổ phiếu khác giảm theo tuy nhiên mức độ bán tháo không thực sự mạnh mẽ do trước đó đa phần các cổ phiếu có xu hướng đi ngang. Trong bối cảnh hiện tại, rõ ràng việc đánh giá điểm số là rất khó khăn, chúng tôi cho rằng việc nhìn vào độ rộng nhóm ngành tăng điểm có giá trị cao hơn và chừng nào việc tăng điểm vẫn chỉ là nhóm VINCOM thì cảm giác ức chế trong giao dịch vẫn còn. Gần đây, việc dòng tiền có lan tỏa tốt hơn nhưng vận động chưa có sự ổn định. Do vậy, phiên giảm điểm hôm nay tới từ nhóm VIC cũng là cơ hội để thử thách NĐT với độ rộng thị trường ở các nhóm cổ phiếu khác vào ngày mai.

Các cổ phiếu có lệnh mua/bán lớn: MBB, ABB, VIX, CII, SHS, AAS, HPG...

Các cổ phiếu mua tích lũy: SZC, TCM, VHC, SBT, SSB, PAN, MCH, DPM, CTR, VGI ...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 11 mã cho tín hiệu bán, 11 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã MWG, TPB, BID, VJC, VCB, HDB, GAS, MSN...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 46% và 53% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ và kháng cự là 1,650 - 1,800 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VIC



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	545.77	547.96	543.58	NO	550.14	558.9	563.27	572.03	537.01	532.64	523.88	519.51
HNINDEX	252.36	253.04	251.67	NO	254.01	257.05	258.7	261.74	249.32	247.67	244.63	242.98
UPINDEX	120.13	120.12	120.14	YES	120.58	121.01	121.46	121.89	119.7	119.25	118.82	118.37
VN30	2000.52	2012.68	1988.37	NO	2024.84	2073.46	2097.78	2146.4	1951.9	1927.58	1878.96	1854.64
VNINDEX	1763.82	1774.31	1753.34	NO	1784.96	1827.06	1848.2	1890.3	1721.72	1700.58	1658.48	1637.34
VNXALL	2955.49	2972.91	2938.07	NO	2990.33	3060.01	3094.85	3164.53	2885.81	2850.97	2781.29	2746.45
VN30FIM	1982.83	1999.25	1966.42	NO	2015.67	2081.33	2114.17	2179.83	1917.17	1884.33	1818.67	1785.83
VN30FIQ	1996.47	2004.85	1988.08	NO	2013.23	2046.77	2063.53	2097.07	1962.93	1946.17	1912.63	1895.87
VN30F2M	2008.67	2019	1998.33	NO	2029.33	2070.67	2091.33	2132.67	1967.33	1946.67	1905.33	1884.67
VN30F2Q	1995.33	2003	1987.67	NO	2010.67	2041.33	2056.67	2087.33	1964.67	1949.33	1918.67	1903.33
ACB	24.2	24.3	24.1	NO	24.4	24.8	25	25.4	23.8	23.6	23.2	23
BCM	60.53	60.55	60.52	YES	60.77	61.03	61.27	61.53	60.27	60.03	59.77	59.53
BID	38.7	38.65	38.75	NO	39.05	39.3	39.65	39.9	38.45	38.1	37.85	37.5
BVH	55.3	55.3	55.3	YES	56	56.7	57.4	58.1	54.6	53.9	53.2	52.5
CTG	35.48	35.72	35.24	NO	35.97	36.93	37.42	38.38	34.52	34.03	33.07	32.58
FPT	93.6	93.9	93.3	NO	94.2	95.4	96	97.2	92.4	91.8	90.6	90
GAS	68	67.4	68.6	NO	70.5	71.8	74.3	75.6	66.7	64.2	62.9	60.4
GVR	25.85	25.95	25.75	NO	26.05	26.45	26.65	27.05	25.45	25.25	24.85	24.65
HDB	27.47	27.42	27.51	NO	27.98	28.42	28.93	29.37	27.03	26.52	26.08	25.57
HPG	26.38	26.45	26.32	NO	26.52	26.78	26.92	27.18	26.12	25.98	25.72	25.58
LPB	42.43	42.65	42.22	NO	42.87	43.73	44.17	45.03	41.57	41.13	40.27	39.83
MBB	25.18	25.27	25.09	NO	25.37	25.73	25.92	26.28	24.82	24.63	24.27	24.08
MSN	76.43	76.5	76.37	YES	76.87	77.43	77.87	78.43	75.87	75.43	74.87	74.43
MWG	87.33	88	86.67	NO	88.67	91.33	92.67	95.33	84.67	83.33	80.67	79.33
PLX	35.33	35.47	35.19	NO	35.62	36.18	36.47	37.03	34.77	34.48	33.92	33.63
SAB	48.63	48.85	48.42	NO	49.07	49.93	50.37	51.23	47.77	47.33	46.47	46.03
SHB	16.67	16.75	16.58	NO	16.83	17.17	17.33	17.67	16.33	16.17	15.83	15.67
SSB	17.35	17.35	17.35	YES	17.5	17.65	17.8	17.95	17.2	17.05	16.9	16.75
SSI	30.87	31.05	30.68	NO	31.23	31.97	32.33	33.07	30.13	29.77	29.03	28.67
STB	56.8	57.25	56.35	NO	57.7	59.5	60.4	62.2	55	54.1	52.3	51.4
TCB	34.6	34.9	34.3	NO	35.2	36.4	37	38.2	33.4	32.8	31.6	31
TPB	17.18	17.27	17.09	NO	17.37	17.73	17.92	18.28	16.82	16.63	16.27	16.08
VCB	57.33	57.45	57.22	NO	57.67	58.23	58.57	59.13	56.77	56.43	55.87	55.53
VHM	119.97	122.8	117.13	NO	125.63	136.97	142.63	153.97	108.63	102.97	91.63	85.97
VIB	17.92	17.97	17.86	NO	18.03	18.27	18.38	18.62	17.68	17.57	17.33	17.22
VIC	163.5	166.25	160.75	NO	169	180	185.5	196.5	152.5	147	136	130.5
VJC	206.9	204.35	209.45	NO	218	224	235.1	241.1	200.9	189.8	183.8	172.7
VPB	29.07	29.23	28.91	NO	29.38	30.02	30.33	30.97	28.43	28.12	27.48	27.17
VRE	33.85	34.65	33.05	NO	35.45	38.65	40.25	43.45	30.65	29.05	25.85	24.25
VNM	61.63	61.8	61.47	NO	61.97	62.63	62.97	63.63	60.97	60.63	59.97	59.63

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
AAS	12,177,200	1,673,300	728	4.85
GAS	3,702,300	867,740	427	4.69
G36	1,439,600	358,590	401	1.09
DPG	1,242,300	429,790	289.05	-4.41
PNJ	1,122,600	530,090	212	-0.42
MCH	1,009,000	224,190	450	5.18
ILB	1,004,000	166,180	604.16	-1.94
TEG	994,100	185,840	535	-0.14
FID	821,800	378,920	217	-4.76
DDB	807,800	192,760	419.07	6.8
HVH	722,500	290,720	249	-6.51
TPC	570,800	57,290	996	0
TVS	479,000	143,140	335	-0.31
NDN	476,500	167,190	285	3.6
DHC	464,100	222,360	208.72	-3.24
LMC	386,800	51,570	750	-3.64
VVS	341,200	99,650	342	6.82
BWE	288,500	116,710	247	1.28
VLB	226,500	95,760	237	0.55
VNB	180,600	59,000	306.1	0
KDM	155,200	69,830	222	-1.82
QNS	151,700	55,150	275	0.89
BDT	147,900	31,800	465	-1.04
ILS	147,400	65,980	223	-0.57
PDB	146,500	60,500	242.15	3.04
SVN	142,800	53,950	265	0
ECO	117,500	22,750	516	0
WSS	112,800	13,050	864	4.41
VID	105,200	8,410	1,251	-5.51
XMC	97,100	32,350	300	1.94
HLC	96,100	26,580	362	4.58
HIO	86,600	4,830	1,793	5.26
TOS	79,800	38,390	208	3.15
PSB	72,100	8,940	806	0
PVG	70,600	21,720	325	1.67
VTR	69,100	31,730	218	-1.54
SJS	67,300	29,260	230	-1.02
MDF	65,800	21,390	308	0
TIS	60,900	6,190	984	-2.17
SVD	52,200	5,970	874	-6.96

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: AAS, GAS...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
24-Dec	SHB	Mua	≤ 17.2	10% -20%	Mô hình đáy vòng với khối lượng giao dịch tăng lên

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 24/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.146 VND/USD, không thay đổi so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.939 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.353 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.313 VND/USD, giảm 21 đồng so với phiên 23/12. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi giảm 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.800 VND/USD và 26.860 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 24/12, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,20 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,07 - 0,90 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 6,30%; 1W 6,80%; 2W 8,90% và 1M 7,60%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn ON, giao dịch tại: ON 3,68%; 1W 3,73%; 2W 3,76%, 1M 3,80%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở tất cả các kỳ hạn, chốt phiên với mức: 3Y 3,03%; 5Y 3,24%; 7Y 3,49%; 10Y 4,01%; 15Y 4,08%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 24/12, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 7 ngày và 91 ngày, 17.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Có tổng cộng 23.616,49 tỷ đồng trúng thầu, trong đó 4.999,65 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 14.375,29 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 2.192,72 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 2.048,83 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày. Có 1.239,90 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN bơm ròng 22.376,59 tỷ đồng ra thị trường phiên hôm qua. Có 391.349,14 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 24/12, KBNN đấu thầu thành công 13.240 tỷ đồng/17.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 78%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được 1.300 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 10Y huy động được 11.920 tỷ đồng/14.000 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 30Y huy động được 20 tỷ đồng/500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 15Y gọi thầu 1.000 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,20% (+0,02 đpt), kỳ hạn 10Y là 4,0% (+0,04 đpt), kỳ hạn 30Y là 4,10% (+0,21 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

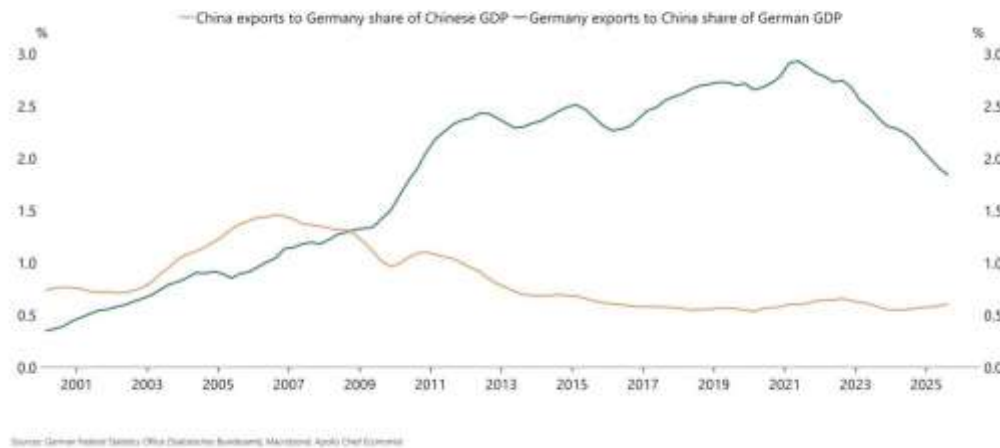
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Thương mại với Trung Quốc đã chuyển từ động lực tăng trưởng thành lực cản đối với nền kinh tế Đức

Xuất khẩu của Đức sang Trung Quốc đã giảm so với GDP của Đức, trong khi xuất khẩu của Trung Quốc sang Đức vẫn ổn định so với GDP của Trung Quốc.

Germany's exports to China declining as a share of German GDP



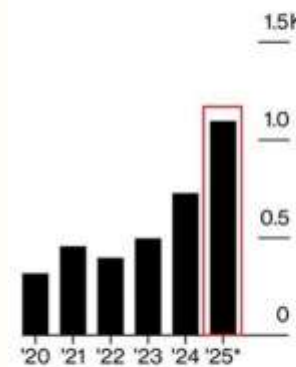
Ngành công nghiệp ETF của Mỹ đang trải qua một năm lịch sử

Các quỹ ETF niêm yết tại Mỹ đã thu hút lượng vốn ròng kỷ lục 1,4 nghìn tỷ đô la tính đến thời điểm hiện tại trong năm 2025. Con số này vượt qua kỷ lục cả năm trước đó hơn 300 tỷ đô la và gấp hơn hai lần so với năm 2023. Hơn nữa, khối lượng giao dịch ETF đã đạt mức kỷ lục 57,9 nghìn tỷ đô la tính đến thời điểm hiện tại, cao hơn 630 tỷ đô la so với tổng số của năm 2024. Thêm vào đó, số lượng quỹ ETF được ra mắt trong năm 2025 lên tới 1.100, mức cao nhất mọi thời đại, và cao hơn 123% so với năm 2023. Lần gần nhất tất cả các chỉ số đều đạt mức kỷ lục trong cùng một năm là vào năm 2021. Nhu cầu đầu tư vào ETF đang ở mức cao kỷ lục.

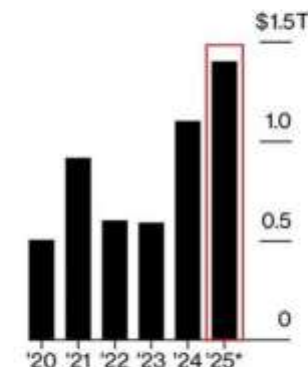
ETF Industry's Record-Setting 2025

New high-water marks set across multiple categories

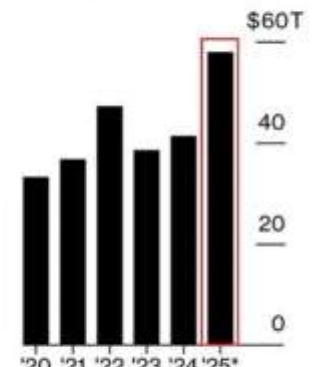
Number of launches



Flows



Trading volume



Source: Bloomberg Intelligence
Note: *2025 data is through Dec 19.

TTCK MỸ

Hiệu ứng ông già Noel trên TTCK Mỹ

Google sẽ có Break out mô hình cái nêm mở rộng ?



AMZN thiết lập xu hướng tăng trở lại ?



NVIDIA thiết lập mô hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực



Nasdaq có quay trở lại xu hướng tăng ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

